

# Về tám con sông đào lớn ở Việt Nam dưới thời Nguyễn

Nhìn lại lịch sử, chúng ta có thể thấy rằng, việc đầu tư cho thủy lợi, giao thông vận tải dưới triều Nguyễn chiếm một tỉ trọng đáng kể trong ngân sách tài chính thời bấy giờ. Điều này được đề cập trong nhiều cứ liệu lịch sử, tiêu biểu nhất là đã có đến gần 60 lần các vua triều Nguyễn ban chỉ dụ về việc đào sông, nạo vét sông ngòi, kênh rạch... ở 15 tỉnh trong cả nước được đề cập trong sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*.

Khi nhận xét về phương pháp trị thủy, vua Minh Mạng ra chỉ dụ rằng: *“...các con sông và tất cả các ngòi lạch cống nước, phần nhiều nhân dân trồng hoa màu (hai bên) lấp dần, sông cái chảy không thông, dòng nước chảy tùy tiện (...). Nay thiết tha hiển dụ tất cả các bề tôi trong ngoài rằng, nếu có phương pháp trị thủy như thế nào, có thể cho dòng nước thuận dòng, đề phòng bền vững mãi mãi”*. (1)

Tất cả những điều ấy đều nói lên tầm quan trọng của hệ thống sông ngòi trong nhiều mặt, không những có vai trò và tác dụng to lớn về giao thông vận tải, thủy lợi mà còn tác động tích cực đến nông nghiệp, thương nghiệp, quốc phòng và cuối cùng là môi trường sinh thái. Chính việc đáp ứng thành công vào những mục tiêu ấy, nên hệ thống sông ngòi dưới triều Nguyễn được xem như là những thành tựu trong công cuộc quy hoạch thủy đạo thời bấy giờ.

Thực tế cho thấy, trong ba triều vua đầu thời Nguyễn, trong khoảng 30 năm, từ năm Gia Long thứ 13 (1814) đến năm Thiệu Trị thứ 4 (1844), các vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị đã cho đào 8 con sông lớn trên lãnh thổ Việt Nam, không kể các dòng sông nhỏ, hệ thống kênh rạch và ngay cả Hộ Thành Hà bên ngoài Kinh Thành Huế.

Triều Gia Long đã đào 3 con sông lớn ở các tỉnh miền Trung và miền Nam. Sông Lợi Nông (hay còn gọi là sông An Cựu được đào từ năm Gia Long thứ 13 (1814). Bắt đầu từ phía đông nam của xã Phú Xuân (thời bấy giờ), nối với sông Hương, sông Lợi Nông được đào kéo dài khoảng 45 dặm (gần 20 km) quanh co theo các làng mạc rồi đổ vào đầm Hà Trung.



Sông đào Lợi Nông khắc trên Chương đĩnh

Trong bài thơ *Đông Lâm dục điệu* (Bản chim ở Đông Lâm), ngoài đoạn dẫn có đề cập đến sông Lợi Nông, vua Thiệu Trị còn có đoạn thơ tức cảnh trước dòng sông này như sau:

Phiên âm:

*Loại thảo lô phi tẩy lục sa  
Giang thôn thụ tịch dương tà  
Không lâm ẩn ước quy cầm tập  
Tiểu giản tì liên phiếm nghịch qua*

Dịch thơ:

Nước rút lau tươi tẩy cỏ sa  
Sông thôn cây rợp ánh dương tà  
Trong rừng ẩn hiện, chim về tụ  
Dưới nước đua chen, nghịch<sup>(2)</sup> lợi qua

Toàn bộ bài thơ được khắc vào bia đá và dựng gần bên dòng Lợi Nông (đoạn chảy qua làng Thần Phù, xã Thủy Châu, huyện Hương Thủy ngày nay).

Bốn năm sau khi sông Lợi Nông được đào, năm 1818, vua Gia Long lại tiếp tục ra chỉ dụ cho đào **Sông Thoại Hà** (hay còn gọi là sông Tam Khê). Trấn thủ Vĩnh Thanh Nguyễn Văn Thoại được giao chỉ huy khoảng 1.500 người đào sông, có cả người Việt lẫn người Khơme. Sông Thoại Hà, nay thường gọi là kênh Long Xuyên - Rạch Giá, với chiều dài độ 72 dặm (gần 32 km), rộng khoảng 40m.

Chỉ sau đó một năm (1819), **Sông Vĩnh Tế** được đào, công việc diễn ra trên 5 năm, kéo dài đến năm 1824. Sông Vĩnh Tế được đào chảy thông từ địa phận tỉnh Châu Đốc đến Hà Tiên. Với chiều dài đến 91km, chiều rộng trung bình ước khoảng 40m, con sông này đã tiêu tốn rất nhiều sức người sức của. Tiến độ thi công trong việc đào sông được chia thành 2 đợt: đợt 1 huy động đến trên 10.500 dân binh; đợt 2 cũng với lượng dân binh gần như vậy và đều dưới sự chỉ huy, giám sát của viên trấn thủ Vĩnh Thanh Nguyễn Văn Thoại. Nhưng vào năm 1823, vua Minh Mạng lại giao cho thủ trấn thành Gia Định (bấy giờ là Lê Văn Duyệt) điều khiển và đốc thúc hơn 39.000 dân binh sở tại cùng 16.000 người Khơme tiếp tục đào các đoạn còn lại. Cuối cùng vào năm 1824, khi công việc đào sông đã tạm ổn, thì việc chỉ huy lại được giao cho trấn thủ Vĩnh Thanh Nguyễn Văn Thoại như trước. Đặc biệt, như để ghi nhớ công lao của viên quan có công đầu trong việc đào sông này, vua Minh Mạng đã lấy tên vợ Nguyễn Văn Thoại (bà Châu Thị Vĩnh Tế) để đặt tên cho dòng sông.

Triều Minh Mạng là triều cho đào nhiều sông nhất. Năm 1824, sau khi kết thúc việc đào sông Vĩnh Tế, vua Minh Mạng lại ra chỉ dụ cho đào **Sông Vĩnh Điện**. Dưới sự điều khiển của viên cai bạ Lê Đại Cương, 3.000 dân binh cật lực đào trong 2 tháng thì hoàn tất một đoạn sông khoảng 16 dặm (độ 7km), thông từ xã Câu Nhi đến xã Cẩm Sa thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam. Nhưng chỉ năm sau (1825), xét thấy qui mô của dòng sông chưa đáp ứng được tình hình thực tiễn của địa phương này, vua Minh Mạng lại dụ rằng: "*Sông Vĩnh Điện Quảng Nam không phải không có chỗ nông cạn. Vậy cho doanh ấy đích thân đi khám xét cẩn thận, đoạn nào cát ứ lại, nước sâu không quá 3 thước, thì đều liệu theo thời giá thuế dân phu trong hạt gộp sức vét thêm cho nước sâu tới mức từ 3 thước trở lên*".<sup>(3)</sup> Bấy giờ, quan thống chế Trương Văn Minh chỉ huy, giám sát 8.000 dân binh đào lại sông Vĩnh Điện. Đợt đào tạo được tiến hành trong 4 tháng cho việc nắn thẳng lại dòng chảy,

mở rộng dòng sông ra độ 24m.

Cũng trong năm này, quan thống chế Phan Văn Thúy được giao phụ trách mấy ngàn dân địa phương ở Quảng Trị đào **Sông Vĩnh Định** với chiều dài khoảng 17 dặm (khoảng 7,5km). Sông Vĩnh Định đào nối thông với dòng sông cũ(?), từ Ngã ba Cổ Thành (sông Thạch Hãn) đến sông Lương Điền. Vào năm 1842, vua Thiệu Trị đã làm một bài thơ ca ngợi con sông Vĩnh Định và khắc vào bia đá dựng ở đoạn đẹp nhất của dòng sông. Công việc đào sông dưới triều Minh Mạng từ thời gian này tạm ngưng, mãi đến 10 năm sau, vào năm 1835, nhà vua mới lại cho đào **Sông Cửu Yên** thuộc tỉnh Hưng Yên với mục đích làm giảm thể nước Sông Hồng, nhất là về mùa mưa lũ. Thực ra, vốn trước đây dòng cũ của con sông này đã 40 dặm (khoảng 17,5km) bao gồm ba con sông từ Xích Đằng (huyện Đông Yên) đến sông Vĩnh Đồng, sông Bằng Ngang (huyện Kim Động) chảy vào sông Than Khê (huyện Thiên Thi). Bắt đầu từ đoạn này, sông Cửu Yên được đào tiếp tục 6 dặm (khoảng 2,6km) về phía đông hợp vào sông Quang Liệt (huyện Phù Cừ) và đổ ra sông Văn Trường (huyện Thanh Miện). Dù chỉ đào khoảng 2,6km nhưng lúc này sông Cửu Yên đã liên kết qua các nhánh sông ở Hưng Yên lại, tạo nên một dòng sông lớn, góp phần làm giảm thể nước sông Hồng vào mùa lũ.



[Sông đào Vĩnh Tế khắc trên Cao đình](#)

Năm tiếp theo (1836), vua Minh Mạng lại cho đào **Sông Phổ Lợi** ở Thuận Hóa. Con sông này thông từ sông cũ là La Ý đến hạ lưu sông Diêm Trường với chiều dài khoảng 25 dặm (độ 11km), phần đào thêm khoảng 4,6 dặm (độ 2km) có khả năng chia nước của sông Hương vào mùa lũ, mặt khác phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp, nhất là về mặt cấp nước tưới tiêu vào mùa kiệt. Nhưng sau đó một năm, xét thấy việc đào sông Phổ Lợi chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, vua Minh Mạng lại tiếp tục chỉ dụ: *“Năm trước khai đào sông Phổ Lợi để cho có lợi muôn đời không cùng. Lần ấy dân vì mưa lụt, chưa được thành công. Đã chuẩn y cho sang xuân tiếp tục làm. Nay thời tiết tanh nắng, chính là lúc có thể thi công được. Vậy giao cho kinh doãn liệu thuê dân hạt 3.000 người, cứ chiếu chỗ nào năm ngoái hiện chưa làm xong và một đoạn hướng mới làm tiếp. Lấy ngày tháng giêng năm nay (1837 - NPHT) khởi công, theo đúng quy thức mà khai đào, sao cho trong tháng 2 phải nhất loạt hoàn thành”*.<sup>(4)</sup>

Sau này, trong một chuyến tuần du về Thuận An vào tháng 6 năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), nhà vua đã làm một bài thơ với tựa đề *Quá Phổ Lợi hà ẩm tác* và khắc vào bia đá dựng ở bên bờ. Ngoài phần mở đầu viết theo lối văn xuôi mang tính

chất giới thiệu, bài thơ chính dài 26 câu theo thể ngũ ngôn. Bài thơ như một bài ký ghi lại quá trình đào sông cũng như miêu tả lại bức tranh của con sông vào thời điểm ấy đồng thời cũng bày tỏ thái độ ủng hộ của nhà vua đối với công cuộc đào sông Phố Lợi. Mở đầu bài thơ, nhà vua viết:

Phiên âm:

*Ngưỡng duy phòng hải niệm  
Cánh thả vị nông trừ  
Tùy thế kỳ giang quýnh  
Hưng công phát nô tu*

Dịch thơ:

Phòng biển nhớ công xưa  
Giúp nhà nông canh tác  
Tùy thế đất thế sông  
Kho công chi tiền bạc

So với hai triều vua trước, đến triều Thiệu Trị chỉ có một con sông được xem là tương đối lớn trong hệ thống sông đào Việt Nam dưới thời Nguyễn đó là **Sông Tân Châu**. Con sông này thông từ cửa sông Chu Giang ngang qua sông Tiền Giang rồi chảy qua đồn Tân Châu với chiều dài tổng cộng trên 40 dặm (khoảng 17km) trong đó phần đào thêm ước khoảng 40 dặm (khoảng 8km). Qua quá trình đào sông, triều đình đã chi trên 63.000 quan tiền, trên 21.000 phương gạo. Sông được đào rộng ngang trên bề mặt khoảng 6 trượng (khoảng 24m), chiều rộng dưới đáy chỉ có một nửa, sâu 9 thước (khoảng 3,6m).

Tám con sông đào lớn ở Việt Nam vào thế kỷ XIX có thể được xem như những thành tựu nổi bật trong công tác trị thủy của nhà Nguyễn vào giai đoạn bấy giờ. Bản thân triều Nguyễn cũng tỏ ra rất tự hào về thành tựu này khi họ cho khắc tên và hình ảnh tượng trưng của 6 con sông đào dưới hai triều Gia Long và Minh Mạng. Đó là hình ảnh và tên của sông Vĩnh Tế trên Cao đình; sông Phố Lợi trên Nhân đình; sông Lợi Nông trên Chương đình; sông Cửu Yên trên Nghị đình; sông Vĩnh Định trên Thuần đình; sông Vĩnh Điện trên Dụ đình. Từ lịch sử đến thực tế ngày nay của các con sông đào ở Việt Nam chúng ta có thể hình dung được lượng người, lượng của đầu tư cho việc đào sông; có thể thấy được kế lâu dài mang ý nghĩa chiến lược của nhà Nguyễn đối với công tác trị thủy thời bấy giờ.

*Tác giả Hải Trung*

Chuyển đến: **Người Việt Gốc Ót**

Ngày 30 tháng 8 Quý Tỵ 4892 (4/10/2013)